

Số: 43 /2022/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 30 tháng 12 năm 2022

## QUYẾT ĐỊNH

V/v quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Sơn La

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

*Căn cứ Thông tư số 332/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC;*

*Căn cứ Thông tư số 333/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính;*

*Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/06/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2018/TT-BTC ngày 30/01/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính;*

*Căn cứ Thông tư số 11/2018/TT-BTC ngày 30/01/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính;*

*Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 544/TTr-STC ngày 26/12/2022; Ý kiến Thành viên UBND tỉnh; Công văn số 519/TT HĐBD ngày 29/12/2022 của Thường trực HĐND tỉnh.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Quy định hệ số điều chỉnh giá đất áp dụng cho các vị trí, tuyến đường, loại đất trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2023, cụ thể như sau:

### **1. Đất nông nghiệp**

a) Đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất nông nghiệp khác

- Đối với các xã tại phụ biểu số 01 kèm theo Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh

+ Huyện Mộc Châu: Hệ số điều chỉnh giá đất đối với đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất nông nghiệp khác bằng 1,3 lần; đối với đất nuôi trồng thủy sản bằng 1,1 lần.

+ Thành phố, huyện Thuận Châu: Hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,2 lần.

+ Các huyện còn lại: Hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,1 lần.

- Đối với các xã tại phụ biểu số 02 kèm theo Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh: Hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,1 lần.

- Đối với các xã tại phụ biểu số 03 kèm theo Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh: Hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần.

b) Đất rừng sản xuất, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng: Hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần.

c) Đối với đất nông nghiệp trong phạm vi khu dân cư thị trấn, khu dân cư nông thôn đã được xác định ranh giới theo quy hoạch được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xét duyệt và đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường: Hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần.

2. Đất ở: Hệ số điều chỉnh giá đất ở tại đô thị và đất ở tại nông thôn: Chi tiết theo phụ lục từ số 01 đến phụ lục số 13 theo Quyết định này.

3. Đất thương mại, dịch vụ tại đô thị và tại nông thôn; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp (*không phải là đất thương mại, dịch vụ tại đô thị và tại nông thôn; đất khu công nghiệp và đất cụm công nghiệp*): Hệ số điều chỉnh giá đất bằng hệ số điều chỉnh giá đất ở tại đô thị hoặc tại nông thôn liền kề theo từng vùng, từng tuyến đường, từng vị trí đã quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Đất khu công nghiệp và đất cụm công nghiệp: Hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần.

## **Điều 2. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022 trên địa bàn tỉnh Sơn La; Quyết định số 37/2022/QĐ-UBND ngày 28/11/2022 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022 trên địa bàn tỉnh Sơn La.

3. Sở Tài chính chịu trách nhiệm toàn diện về số liệu, nội dung trình UBND tỉnh quy định hệ số điều chỉnh giá đất áp dụng cho các vị trí, tuyến đường, loại đất trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2023. Chủ động tổ chức thanh tra, kiểm tra nếu phát hiện sai phạm, vướng mắc (*nếu có*), kịp thời báo cáo UBND tỉnh để chỉ đạo giải quyết kịp thời, đồng thời chịu trách nhiệm toàn diện trước các kết luận của cơ quan Thanh tra, Kiểm tra, Kiểm toán và các cơ quan pháp luật Nhà nước.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### **Nơi nhận:**

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (B/c);
- Bộ Tài chính (B/c);
- TT Tỉnh ủy (B/c);
- TT HĐND tỉnh (B/c);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh (B/c);
- UB MTTQ và các Đoàn thể tỉnh (B/c);
- Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh (B/c);
- Các đ/c Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục KSTTHC-VPCP;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp;
- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, TH, Hà 25 bản.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đặng Ngọc Hậu**



**PHỤ LỤC SỐ 01: HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ  
VÀ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN THÀNH PHỐ SƠN LA**

*(Kèm theo Quyết định số: 43 /2022/QĐ-UBND ngày 30 /12/2022 của UBND tỉnh)*

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
<b>A</b>	<b>ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ</b>					
<b>1</b>	<b>Đường Lò Văn Giá</b>					
-	Đoạn từ ngã tư UBND thành phố đến ngõ số 17 ( công chào nhà văn hóa tổ 2 phường Chiềng Lè)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngõ số 17 (công chào nhà văn hóa tổ 2 phường Chiềng Lè) đến hết bệnh viện đa khoa tỉnh Sơn La	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ hết Bệnh viện đa khoa tỉnh Sơn La đến đầu cầu bản Cá	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>2</b>	<b>Đường Hoa Ban</b>					
-	Từ ngã tư UBND thành phố đến công UBND thành phố	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>3</b>	<b>Đường Lê Thái Tông</b>					
-	Từ giao nhau với đường Lò Văn Giá đến hết đường Lê Thái Tông (giao nhau với đường Tô Hiệu)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>4</b>	<b>Đường Chu Văn Thịnh</b>					
-	Đoạn từ ngã tư UBND thành phố đến Cầu Nậm La	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Cầu Nậm La đến ngã ba đường rẽ vào Sở Giáo dục và Đào tạo	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba đường rẽ vào Sở Giáo dục vào Đào tạo đến hết đất Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh tỉnh Sơn La	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ hết đất Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn chi nhánh tỉnh Sơn La đến ngã tư Cầu Trắng	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>5</b>	<b>Đường Thanh Niên</b>					
-	Đoạn từ ngã ba giao nhau với đường Chu Văn Thịnh đến hết Sở Giáo dục và Đào tạo	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ hết Sở Giáo dục và Đào tạo đến hết trường THPT Tô Hiệu	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>6</b>	<b>Đường Tô Hiệu</b>					
-	Đoạn từ ngã tư UBND thành phố đến hết số nhà 183 (Ngõ rẽ từ đường Tô Hiệu đến đường Lê Thái Tông)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ hết số nhà 183 đến ngõ số 5 Tô Hiệu	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
	Từ ngõ số 05 Tô Hiệu (trung tâm văn hóa tỉnh Sơn La) đến hết toàn án nhân dân tỉnh Sơn La	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ hết tòa án nhân dân tỉnh Sơn La đến hết đất chi nhánh ngân hàng nông nghiệp	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ hết đất chi nhánh ngân hàng Nông Nghiệp đến ngã tư Tô Hiệu	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>7</b>	<b>Đường Cách mạng tháng tám</b>					
-	Đoạn từ ngã tư công an phòng cháy chữa cháy đến hết số nhà 57	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ hết số nhà 57 đến ngã ba giao với đường Chu Văn Thịnh	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>8</b>	<b>Đường Ngô Quyền</b>					
-	Từ ngã ba giao đường Chu Văn Thịnh đến ngã ba giao đường Tô Hiệu (Ngân hàng đầu tư và phát triển Đường cầu treo dây văng)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>9</b>	<b>Đường Điện Biên</b>					
-	Đoạn từ ngã tư cầu trắng đến Cầu Trắng	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Trắng đến hết số nhà 2 (Bảo hiểm viễn đông)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết số nhà 2 (Bảo hiểm Viễn Đông) đến ngã ba giao nhau với đường Nguyễn Văn Linh	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ ngã ba giao nhau với đường Nguyễn Văn Linh đến hết nhà văn hóa tổ 9 phường Tô Hiệu	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết nhà văn hóa tổ 9 phường Tô Hiệu đến hết ngã ba Khí tượng (ngã ba Két nước)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ ngã ba Khí tượng (ngã ba Két nước) đến hết số nhà 158 (giáp vườn hoa Tổ 10, phường Chiềng Lè)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết đất số nhà 158 đến ngã ba bản Hin (giao với đường Quốc lộ 6 cũ)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>10</b>	<b>Đường Nguyễn Văn Linh</b>					
-	Từ ngã ba giao nhau với đường Điện Biên đến công Tinh ủy	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ công tinh ủy đến hết công thoát nước bản Coóng Nội	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>11</b>	<b>Đường Lê Thanh Nghị</b>					
-	Từ ngã ba giao đường Điện Biên (Quốc lộ 6) vào đến hết Trường mầm non Tô Hiệu	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết Trường mầm non Tô Hiệu đến đường Điện Biên (Quán Thê kỹ mới)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>12</b>	<b>Đường Khau Cả</b>					
-	Từ ngã tư Góc phượng đến hết tuyến đường (giao với đường Điện Biên)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>13</b>	<b>Phố Khau Cả</b>					

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Đường từ ngã ba Két nước đến hết Khách sạn Hoa Đào	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
14	<b>Đường Trường Chinh</b>					
-	Đoạn từ ngã tư cầu Trắng đến đường rẽ vào Hoàng Quốc Việt	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường rẽ vào đường Hoàng Quốc Việt đến ngã tư Quyết Thắng	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
15	<b>Đường Hoàng Quốc Việt</b>					
-	Đoạn từ ngã ba giao với đường Trường Chinh đến ngã tư bán Mế Ban phường Chiềng Cơi	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
16	<b>Đường Nguyễn Lương Bằng</b>					
-	Đoạn từ ngã tư cầu Trắng đến đường rẽ vào phố Giàng Lắc	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường rẽ vào phố Giàng Lắc đến ngã tư chợ 7/11	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã tư chợ 7/11 đến ngõ số 204 đường rẽ vào đài truyền hình tỉnh Sơn La	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngõ số 204 đường rẽ vào đài truyền hình tỉnh Sơn La đến ngã tư Quyết Thắng	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
17	<b>Phố Giàng Lắc</b>					
-	Từ ngã ba giao nhau với đường Trường Chinh đến ngã ba giao nhau với đường Nguyễn Lương Bằng	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
18	<b>Đường 3/2</b>					
-	Đoạn từ ngã ba giao nhau với đường Trường Chinh đến ngã tư chợ 7/11	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã tư chợ 7/11 đến hết số nhà 179	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ hết số nhà 179 đến hết điện lực Sơn La	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
19	<b>Phố Hai Bà Trưng</b>					
-	Từ ngã ba giao nhau với phố Giàng Lắc đến ngã ba giao nhau với đường 3/2	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
20	<b>Đường Lê Đức Thọ</b>					
-	Từ giao nhau với đường 3/2 đến hết UBND phường Quyết Thắng	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết UBND Phường Quyết Thắng đến hết dốc đá Huồi Hin (hết địa phận phường Quyết Thắng)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
21	<b>Phố Xuân Thủy</b>					
-	Đường xung quanh chợ Rạng Téch đến hết nhà văn hóa Tô 10 phường Chiềng Lê	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết nhà văn hóa tổ 10 phường Chiềng Lê đến ngõ số 28	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ ngõ số 4 đến hết số nhà 29	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết số nhà 29 tới hết tuyến	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
22	<b>Phố Lê Lợi</b>					

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
	Đoạn ngã ba giao đường Chu Văn Thịnh đến hết nhà văn hóa tổ 15	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>23</b>	<b>Phố Trần Hưng Đạo + Phố Lý Tự Trọng</b>					
-	Các tuyến đường có độ rộng mặt đường trên 5,5m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Các tuyến đường có độ rộng mặt đường từ 2,5m đến 5,5m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Các tuyến đường còn lại có độ rộng mặt đường dưới 2,5m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>24</b>	<b>Đường Nguyễn Trãi</b>					
-	Đường từ cây xăng Tinh đội đến hết số nhà 79 Đường Nguyễn Trãi (doanh nghiệp Tùng Lộc)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết số nhà 79 Đường Nguyễn Trãi (doanh nghiệp Tùng Lộc) đến hết trường Tiểu học Quyết Thắng	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết trường Tiểu học Quyết Thắng đến ngã ba bãi đá đô thị cũ	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>25</b>	<b>Phố Mai Đắc Bản</b>					
-	Từ ngã ba giao đường Nguyễn Lương Bằng đến ngã ba giao đường 3/2	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>26</b>	<b>Đường Trần Đăng Ninh</b>					
-	Đoạn từ ngã tư Quyết Thắng đến ngõ số 07 đường rẽ vào Tiểu đoàn 1 (K4)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường rẽ vào Tiểu đoàn 1 (K4) đến hết UBND phường Quyết Tâm	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ hết UBND phường Quyết Tâm đến ngã ba đường rẽ vào đường Chu Văn An nhánh 2	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba đường rẽ vào đường Chu Văn An nhánh 2 đến hết đường Trần Đăng Ninh (ngã ba giao đường Chu Văn An nhánh 1)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>27</b>	<b>Đường Lê Duẩn</b>					
-	Đoạn từ đầu đường Chu Văn An nhánh 1 đến hết Hạt 10 (cũ) số nhà 42 và đoạn từ cửa hàng xăng dầu số 3 Bó Ân đến hết Viện quân Y 6	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ hết Hạt 10 (cũ) số nhà 42 đến hết cửa hàng xăng dầu số 3 Bó Ân	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết Viện Quân y 6 đến hết đất trường trung học cơ sở Chiềng Sinh	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ hết đất Trường trung học cơ sở Chiềng Sinh đến hết đất cửa hàng xăng dầu số 14	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ hết đất cây xăng 14 đến đường rẽ vào công nhà văn hóa tổ 5 phường Chiềng Sinh	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ công đường vào nhà văn hóa tổ 5 đến ngã ba đường Lê Quý Đôn giao đường Lê Duẩn	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường, Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Từ ngã ba đường Lê Quý Đôn giao đường Lê Duẩn (hết trụ sở cơ sở 2 Công an tỉnh) đến hết địa phận thành phố (đến ngã 3 Trại Ong)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>28</b>	<b>Đường Hoàng Văn Thụ</b>					
-	Từ ngã ba giao nhau với đường Trần Đăng Ninh đến ngã ba đường rẽ vào trường Mầm non Bế Văn Đàn	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ ngã ba đường rẽ vào trường mầm non Bế Văn Đàn đến hết đất Trường chính trị tỉnh	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết đất trường Chính trị tỉnh đến ngã ba rẽ vào bản Nam	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>29</b>	<b>Đường Nguyễn Chí Thanh</b>					
-	Từ ngã ba giao đường Trần Đăng Ninh (Quốc lộ 6) đến hết đất trường tiểu học Quyết Tâm	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>30</b>	<b>Đường Nguyễn Thị Minh Khai</b>					
-	Từ ngã 3 Trường Mầm non Bế Văn Đàn đến hết đất nhà văn hóa tổ 5 phường Quyết Tâm	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết đất nhà văn hóa tổ 5 phường Quyết Tâm đến các tuyến đường trong khu dân cư tổ 5 phường Quyết Tâm	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>31</b>	<b>Đường Chu Văn An</b>					
-	Từ ngã ba giao đường Lê Duẩn (Quốc lộ 6) đến ngã ba Trường Đại học Tây Bắc (nhánh 1)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ đường Trần Đăng Ninh (đối diện Nhà văn hóa tổ 3 phường Quyết Tâm) đến ngã ba đường quy hoạch vào Trường đại học Tây Bắc (nhánh 2)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn giao nhau nhánh 1 và nhánh 2	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>32</b>	<b>Đường Trần Phú</b>					
-	Từ ngã tư cơ khí đi hết địa phận phường Chiềng Sinh theo hướng đi Ca Láp - Chiềng Ngần đến giữa dốc	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>33</b>	<b>Đường Lê Trọng Tấn</b>					
-	Ngã ba Lê Duẩn (Quốc lộ 6) đến chân dốc Noong Đúc	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>34</b>	<b>Đường Nguyễn Du</b>					
-	Từ ngã ba giao đường Lê Đức Thọ tổ 11 đến hết Công ty cổ phần in và bao bì Sơn La	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ Công ty Cổ phần In và Bao bì đến cổng Thao trường Thành phố	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>35</b>	<b>Đường Ngô Gia Khảm</b>					
-	Đường từ đầu bản Cá (Đường Quốc lộ 279D) đến cổng đường vào bản Cá	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0



STT	Tuyến đường: Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Từ công bản và đường rẽ vào bản Cá đến hết đất số nhà 70 - trụ sở Doanh nghiệp Phương Thao (hết địa phận Phường Chiềng An)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>36</b>	<b>Đường Văn Tiến Dũng</b>					
-	Đoạn từ công thoát nước Nà Coóng đến hết địa phận khu đô thị Pốt Nọi phường Chiềng Cơi	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ hết địa phận khu đô thị Pốt Nọi đến hết địa phận phường Chiềng Cơi	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>37</b>	<b>Đường Lê Quý Đôn</b>					
-	Đoạn từ Ngã ba giao đường Lê Duẩn (Quốc lộ 6 mới) đến nhà Phiến Phường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ nhà Phiến Hương đến hết địa phận thành phố	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>38</b>	<b>Đường Hùng Vương</b>					
-	Từ ngã ba đường Lê Duẩn rẽ đường Hùng Vương (Trại trẻ mồ côi cũ) đến hết số nhà 58	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết số nhà 58 đến ngõ 216 (Công chào nhà văn hóa tổ 7 phường Chiềng Sinh)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ ngõ số 216 (công chào nhà văn hóa tổ 7 phường Chiềng Sinh) đến hết số nhà 344.	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết số nhà 344 đến hết địa phận phường Chiềng Sinh	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>39</b>	<b>Tuyến đường Chiềng Sinh</b>					
-	Đoạn giao đường Lê Duẩn đến công Nhà máy Xi măng	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn giao đường Lê Duẩn đến công Nhà máy gạch Tuynel	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đất trong phạm vi Nhà máy gạch Tuynel và Nhà máy Xi măng	1,0	1,0	1,0		
<b>40</b>	<b>Đường Bản Bó</b>					
-	Đường bản Bó (từ giao đường Lò Văn Giá đến công nước Bản Bó)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>41</b>	<b>Đường Bản Cọ</b>					
-	Đoạn từ giao đường Lò Văn Giá đến Cầu bản Cọ	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ cầu bản Cọ đến Mỏ nước bản Cọ	1,0	1,0	1,0	1,0	
<b>42</b>	<b>Các đường nhánh</b>					
-	Từ hết Sở Giáo dục và Đào tạo đến hết đất trung tâm hướng nghiệp dạy nghề	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Ngã ba giao với đường Chu Văn Thịnh đến công trường mẫu giáo tư thục Ban Mai (đường bản Hẹ)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường: Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Các nhánh đường thuộc quy hoạch đường Thanh niên và Chợ Trung tâm	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Các đường nhánh từ đường Lê Thái Tông sang đường Lò Văn Giá và đường Tô Hiệu (thuộc địa phận tổ 2, tổ 7 phường Chiềng Lè)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn đường đằng sau Công ty điện lực (từ nhà văn hóa tổ 10) đến ngã 3 giao đường Lê Đức Thọ	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ đường Trần Đăng Ninh đến hết Cục Thú y	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn đường Chi cục Thú y đến hết Trại lợn cũ	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ Trại lợn cũ đến hết địa phận bản Là, phường Chiềng Cơi	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ cuối đường 13 m khu quy hoạch Lam Sơn đến đường bản Cọ	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ Mỏ nước bản Cọ đến ngã ba bãi đá đô thị cũ	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường nối đến chợ Trung tâm vào khu dân cư tổ 11, tổ 12 phường Chiềng Lè (hết địa phận bản Cọ)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ ngã ba Công ty Cổ phần In và Bao bì đến đình dốc	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết đất Công ty Điện Lực Sơn La đến cổng trường tiểu học Quyết Thắng	1,0				
-	Từ khu quy hoạch Ao Quảng Pa đến ngã ba giao đường Nguyễn Trãi	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ cống nước tổ 4 phường Chiềng An đến hết các tuyến đường trong bản Bó	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Tuyến đường từ đường Lò Văn Giá vào đến cổng nhà máy nước	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ giao đường Lê Duẩn (Quốc lộ 6) qua bản Hẹo phường Chiềng Sinh đến bản Phường xã Chiềng Ngần	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường trục chính tổ 3 (Đoạn từ đường Trần Đăng Ninh tổ 10, phường Quyết Tâm đi hết địa phận Tổ 3, phường Chiềng Cơi)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Các đường nhánh trong khu dân cư bản Cọ (Đường Bê tông)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Các đường nhánh trong khu dân cư bản Cọ (Đường đất, các loại đờc không đạt đường bê tông, đường nhựa)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ ngã tư Mé Ban sang bản Là phường Chiềng Cơi	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường trong bản Bó Phứa Cón đường bê tông rộng trên 2,5 m	1,0	1,0	1,0		

STT	Tuyến đường, Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Đường trong bán Bó Phứa Cón đường bê tông rộng dưới 2,5 m	1,0	1,0	1,0		
<b>43</b>	<b>Đường nhánh trong khu quy hoạch</b>					
<b>43.1</b>	<b>Lô số 3a, kè suối Nậm La</b>					
-	Đường quy hoạch từ 18m đến 18,5m	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch 13m	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch 10,5m	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch 8,0m	1,0	1,0			
<b>43.2</b>	<b>Khu quy hoạch 4a, kè suối Nậm La</b>					
-	Đường quy hoạch 18,5 m	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch 10,5 m	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch 5,5 m	1,0	1,0			
<b>43.3</b>	<b>Lô số 4b, Kè suối Nậm La</b>					
-	Đường quy hoạch 18m	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Đường quy hoạch 15,5m	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch 10,5m đến 11,5m	1,0				
-	Đường quy hoạch 8,5m đến 9,5m	1,0				
-	Đường quy hoạch 5m đến 5,5m	1,0				
<b>43.4</b>	<b>Lô số 4c, Kè suối Nậm La</b>					
-	Đường quy hoạch 11,5m	1,0				
-	Đường quy hoạch 9,5m	1,0				
-	Đường quy hoạch 5m	1,0				
<b>43.5</b>	<b>Khu dân cư thương mại suối Nậm La - Lô số 5</b>					
-	Đường quy hoạch từ 18m đến 18,5m	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch từ 13m đến 13,5m	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch 11,5m	1,0	1,0			
<b>43.6</b>	<b>Lô số 6b, Kè suối Nậm La</b>					
-	Đường quy hoạch 25m trở lên	1,0				
-	Đường quy hoạch 16,5m	1,0				
-	Đường quy hoạch 13,5m	1,0				
-	Đường quy hoạch 11,5m	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch 10,5m	1,0				
<b>43.7</b>	<b>Khu đô thị phường Chiềng An (lô số 6, 7 dọc suối Nậm La)</b>					

STT	Tuyến đường, Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Đường quy hoạch 25m	1,0	1,0	1,0		
-	Đường quy hoạch 20,5m	1,0	1,0	1,0		
-	Đường quy hoạch từ 18m đến 18,5m	1,0	1,0	1,0		
-	Đường quy hoạch từ 16,5m đến 17,5m	1,0	1,0	1,0		
-	Đường quy hoạch 13m	1,0	1,0	1,0		
-	Đường quy hoạch từ 10,5m đến 11,5m	1,0	1,0	1,0		
-	Đường quy hoạch 7m đến 7,5m	1,0	1,0	1,0		
-	Đường quy hoạch 5,5m	1,0	1,0	1,0		
43.8	<b>Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 dọc suối Nậm La (đoạn Chiềng Cơi - Chiềng Xôm), thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La (khu vực Hồ Tuổi trẻ)</b>					
-	Đường quy hoạch rộng 25,0m	1,0				
-	Đường quy hoạch rộng 18,0m	1,0				
-	Đường quy hoạch rộng 17,5m	1,0				
-	Đường quy hoạch rộng 12,0m	1,0				
-	Đường quy hoạch rộng 9,5m	1,0				
43.9	<b>Quy hoạch chi tiết xây đô thị tỷ lệ 1/500 dọc suối Nậm La (đoạn Chiềng Cơi - Chiềng Xôm) thành phố Sơn La (khu đất trụ sở Sở Y tế, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Chi cục Kiểm Lâm tỉnh) để xây dựng khu dân cư mới tổ 3 phường Chiềng Lè, thành phố Sơn La</b>					
-	Đường quy hoạch rộng từ 7,5m trở lên	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch rộng từ 4,0m đến 4,5m	1,0	1,0			
43.10	<b>Khu quy hoạch dân cư tổ 12 phường Chiềng Lè (khu quy hoạch Lam Sơn)</b>					
-	Đường quy hoạch 20m	1,0				
-	Đường quy hoạch 12 m đến dưới 13,5m	1,0				
-	Đường quy hoạch 10 m đến dưới 12 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 9,0m	1,0				
-	Đường quy hoạch 5,5m	1,0				
43.11	<b>Khu quy hoạch dân cư Đồi Châu, tổ 9, phường Chiềng Lè</b>					

STT	Tuyến đường, Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Đường quy hoạch rộng 7,5 m: Đoạn từ giáp đường Tô Hiệu đến đường quy hoạch 5,0 m giáp với nhà văn hóa tổ 9 cũ, phường Chiềng Lè (trừ vị trí của đường Tô Hiệu)	1,0	1,0			
-	Đoạn còn lại của đường quy hoạch 7,5 m.	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch 6,5 m (trừ vị trí 1 đường Tô Hiệu)	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch 5,0 m	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch từ 3,0 m đến dưới 4,5 m (Đường đổ bê tông hoặc rải nhựa)	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch dưới 2,5 m (Đường đổ bê tông hoặc rải nhựa)	1,0	1,0			
<b>43.12</b>	<b>Khu quy hoạch dân cư tổ 3 phường Chiềng Lè</b>					
-	Đường quy hoạch từ 5m đến 7,5m	1,0				
<b>43.13</b>	<b>Khu dân cư tổ 8 phường Tô Hiệu</b>					
-	Đường quy hoạch 21 m	1,0				
-	Đường quy hoạch từ 11,5 m trở lên	1,0				
-	Đường quy hoạch 09 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 07 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 5,5 m	1,0				
<b>43.14</b>	<b>Khu quy hoạch dân cư tổ 8, phường Tô Hiệu (trường Tiểu học Tô Hiệu cũ)</b>					
-	Đường quy hoạch từ 7,0 m đến 7,5 m	1,0				
<b>43.15</b>	<b>Khu quy hoạch dân cư tổ 8, phường Tô Hiệu (cạnh nhà khách UBND tỉnh)</b>					
-	Đường quy hoạch rộng từ 5,0 m đến dưới 8,5 m.	1,0				
-	Đường quy hoạch rộng 4,5 m.	1,0				
<b>43.16</b>	<b>Khu dân cư tổ 3, phường Quyết Thắng (Khu Tinh đội bàn giao)</b>					
-	Đường quy hoạch từ 07 m trở lên	1,0				
-	Đường quy hoạch 05 m đến dưới 7m	1,0				
-	Đường quy hoạch rộng từ 2,5m đến dưới 5m	1,0				
<b>43.17</b>	<b>Khu dân cư tổ 2, Đại Thắng phường Quyết Tâm</b>					
-	Đường quy hoạch trên 21 m	1,0				
-	Đường quy hoạch trên 13,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch trên 11,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch trên 9,5 m	1,0				

STT	Tuyến đường, Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Đường quy hoạch trên 7,5 m	1,0	1,0	1,0		
-	Đường quy hoạch 5,5 m	1,0	1,0	1,0		
<b>43.18</b>	<b>Khu tái định cư 1,3 ha dân cư bản Giảng Lắc - Quyết Thắng</b>					
-	Đường quy hoạch từ 16,5 m trở lên	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường quy hoạch 13m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường quy hoạch từ 9m đến 10,5m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường quy hoạch từ 5,5m đến 7,5 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>43.19</b>	<b>Khu quy hoạch tổ 8 phường Quyết Thắng (Vật liệu xây dựng I)</b>					
-	Đường quy hoạch 5,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 4,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 4 m	1,0				
<b>43.20</b>	<b>Khu quy hoạch chợ 7/11</b>					
-	Đường quy hoạch 4,5 m	1,0				
<b>43.21</b>	<b>Khu dân cư mới phường Quyết Thắng (khu tái cư số 1)</b>					
-	Đường quy hoạch rộng 16,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch rộng 13,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch rộng 13,0 m	1,0				
-	Đường quy hoạch rộng 11,5 m	1,0				
<b>43.22</b>	<b>Khu quy hoạch dân cư Sang Luông, tổ 14, phường Quyết Thắng</b>					
-	Đường quy hoạch 16,5m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường quy hoạch 9,0m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường quy hoạch 7,5 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường quy hoạch 6 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường quy hoạch dưới 6m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>43.23</b>	<b>Khu dân cư trực đường Nguyễn Văn Linh (Bản Chậu phường Chiềng Cơi)</b>					
-	Đường quy hoạch rộng trên 16,5m	1,0				
-	Đường quy hoạch rộng 11,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch rộng 9,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch rộng 5,5 m	1,0				

STT	Mô tả	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
	<b>Trụ sở UBND xã, trung tâm xã</b>					
	Đường quy hoạch rộng dưới 5,5m	1,0				
43.24	<b>Khu dân cư tổ 13, Phường Quyết Thắng (UBND Phường Quyết Thắng)</b>					
-	Đường quy hoạch rộng 11,5m	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch rộng 9,5m	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch rộng 7,5 m.	1,0	1,0			
43.25	<b>Khu dân cư tổ 6, Phường Quyết Tâm</b>					
-	Đường quy hoạch rộng từ 7,5m trở lên	1,0				
-	Đường quy hoạch rộng 5,5m đến dưới 7,5m	1,0				
43.26	<b>Khu quy hoạch dân cư VINCOM, tổ 3, phường Quyết Thắng</b>					
-	Đường quy hoạch 15,0 m	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch 13,0 m	1,0	1,0			
43.27	<b>Khu quy hoạch dân cư tổ 4, phường Quyết Tâm</b>					
-	Đường quy hoạch rộng 5m	1,0	1,0	1,0	1,0	
43.28	<b>Khu dân cư Tổ 8, phường Chiềng Sinh (khu quy hoạch tái định cư Noong Đức cũ)</b>					
-	Đường quy hoạch 21 m trở lên	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường quy hoạch từ 15,5m đến 16,5m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường quy hoạch 13,5 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường quy hoạch từ 5,0 m trở lên	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
43.29	<b>Khu quy hoạch tổ 2 phường Chiềng Sinh</b>					
-	Đường quy hoạch 15 m	1,0				
	Đường quy hoạch trên 15 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 7,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch dưới 7,5 m	1,0				
43.30	<b>Khu quy hoạch tổ 3 phường Chiềng Sinh (giáp trạm điện 110KV)</b>					
-	Đường quy hoạch 12 m trở lên	1,0				
-	Đường quy hoạch từ 7,5 m trở xuống	1,0				
-	Đường quy hoạch 10,7m	1,0				
-	Các đường nhánh trong khu vực dân cư có chiều rộng từ 2,5m đến 5m xe con vào được	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
43.31	<b>Khu dân cư bản Bó Phường Chiềng An (cạnh Trụ sở Chiềng An)</b>					

STT	Tuyến đường: Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
	Đường quy hoạch 10 m	1,0				
	- Đường quy hoạch 05 m	1,0				
<b>43.32</b>	<b>Khu tái định cư Trường Đại học Tây Bắc</b>					
	- Đường quy hoạch 30 m	1,0				
	- Đường quy hoạch 11 m	1,0				
<b>43.33</b>	<b>Khu quy hoạch dân cư phía Đông và Tây Nam Trung tâm Bến xe khách Sơn La</b>					
	- Đường quy hoạch 15,5 m	1,0				
	- Đường quy hoạch 13,5 m	1,0				
	- Đường quy hoạch 10,5 m	1,0				
<b>43.34</b>	<b>Khu QH dân cư bản Buồn, phường Chiềng Cơi (Doanh nghiệp Trường Sơn)</b>					
	- Đường quy hoạch 25 m	1,0				
	- Đường quy hoạch 16,5m	1,0				
	- Đường quy hoạch 13 m	1,0				
	- Đường quy hoạch 10,5m	1,0				
	- Đường quy hoạch 9,5 m	1,0				
	- Đường quy hoạch 7,5m	1,0				
<b>43.35</b>	<b>Khu dân cư bản Hẹo Phung, phường Chiềng Sinh</b>					
	- Đường quy hoạch 30m trở lên	1,0				
	- Đường quy hoạch 12 m đến 13,5 m	1,0				
	- Đường quy hoạch 10,5 m	1,0				
	- Đường quy hoạch từ 7,5 m trở xuống	1,0				
<b>43.36</b>	<b>Khu dân cư tổ 5, Phường Chiềng Sinh</b>					
	- Đường quy hoạch rộng 13,5 m	1,0				
	- Đường quy hoạch 7,5 m	1,0				
<b>43.37</b>	<b>Khu dân cư và dịch vụ ngã tư Cơ Khí, phường Chiềng Sinh</b>					
	- Đường quy hoạch 25 m	1,0				
	- Đường quy hoạch rộng 16,5 m	1,0				
	- Đường quy hoạch rộng 13,5 m	1,0				
	- Đường quy hoạch rộng 11,5 m	1,0				



STT	Tên đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
	Đường quy hoạch rộng 7,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch rộng 5,5 m	1,0				
-	Các đường nhánh có mặt đường rộng từ 2,5 m đến dưới 5 m (Đường đổ bê tông hoặc đường nhựa dải nhựa)	1,0	1,0	1,0		
-	Các đường nhánh có mặt đường rộng từ 2,5 m đến dưới 5 m (Đường đất xe công nông, xe con vào được)	1,0	1,0	1,0		
<b>43.38</b>	<b>Khu dân cư bản Cọ phường Chiềng An (Trục đường từ Công ty TNHH nhà nước MTV môi trường đô thị Sơn La đến Trung tâm phòng chống HIV)</b>					
-	Đường quy hoạch từ 10,5m trở lên	1,0				
<b>43.39</b>	<b>Khu quy hoạch chợ, dân cư bản Hải, Phường Chiềng An</b>					
-	Đường quy hoạch 20,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch rộng 13 m.	1,0				
-	Đường quy hoạch 9,5 m	1,0				
<b>43.40</b>	<b>Khu quy hoạch dân cư Trung tâm hành chính - Văn hóa Phật giáo Sơn La</b>					
-	Đường quy hoạch rộng 16,5 m.	1,0				
-	Đường quy hoạch rộng 9,5 m.	1,0				
-	Đường quy hoạch rộng từ 7m đến 7,5 m.	1,0				
<b>43.41</b>	<b>Khu tái định cư bệnh viện đa khoa 550 giường tỉnh Sơn La</b>					
-	Đường quy hoạch 16,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 10,5 m	1,0				
<b>43.42</b>	<b>Khu tái định cư Trường Trung cấp Luật Tây Bắc, phường Chiềng Sinh</b>					
-	Đường quy hoạch 21 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 16,5m	1,0				
-	Đường quy hoạch 13,5m	1,0				
-	Đường quy hoạch 9,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 7,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 5,5 m	1,0				

STT	Luyện đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
	Đường quy hoạch 4 m	1,0				
43.43	<b>Khu đô thị số 1 phường Chiềng Sinh</b>					
-	Đường quy hoạch 16,5m	1,0	1,0	1,0		
-	Đường quy hoạch 13m	1,0	1,0	1,0		
-	Đường quy hoạch 11,5m	1,0	1,0	1,0		
43.44	<b>Khu dân cư tại tổ 5, (khu vực Trạm truyền dẫn sóng phát thanh cũ), phường Chiềng Sinh</b>					
-	Đường quy hoạch từ 20,5m đến 21m	1,0	1,0	1,0		
-	Đường quy hoạch 16,5m	1,0	1,0	1,0		
-	Đường quy hoạch 13m	1,0	1,0	1,0		
-	Đường quy hoạch từ 10,5m đến 11,5m	1,0	1,0	1,0		
-	Đường quy hoạch 7m	1,0	1,0	1,0		
-	Đường quy hoạch 5,5m	1,0	1,0	1,0		
43.45	<b>Khu dân cư bản Mé Ban phường Chiềng Cơi</b>					
-	Đường quy hoạch 16,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 9,0 m	1,0				
43.46	<b>Khu quy hoạch tái định cư số 2 phường Chiềng Cơi</b>					
-	Đường quy hoạch rộng từ 11,5 m trở lên	1,0				
43.47	<b>Khu dân cư bản Cọ phường Chiềng An (sau chi nhánh Ngân hàng Phát triển Việt Nam)</b>					
-	Đường quy hoạch 13m	1,0	1,0	1,0	1,0	
43.47	<b>Khu quy hoạch công viên 26-10</b>					
	Đường quy hoạch 17 m trở lên	1,0				
	Đường quy hoạch 9 m	1,0				
43.49	<b>Đường giao thông 2A, 2B, 2C khu quy hoạch dân cư OC-1 và OC-4</b>					
	Đường quy hoạch 38 m	1,0				
	Đường quy hoạch 9 m	1,0	1,0			
43.50	<b>Khu dân cư mới đường Chu Văn An, thành phố Sơn La</b>					
	Đường quy hoạch 30 m	1,0				
	Đường quy hoạch 11,5 m	1,0				

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
43.51	Đoạn từ ngã ba mai Sơn ( giao đường Hùng Vương) đến hết địa phận thành phố theo hướng đi huyện Sông Mã ( trừ các tuyến đường đã quy định giá ở)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
43.52	Từ ngã ba hướng đi bản Khoang đến khu vực quy hoạch nghĩa trang nhân dân thành phố	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
43.53	<b>Khu dân cư bản Mé Ban phường Chiềng Còi (Khu đất thu hồi của Công ty cổ phần Nhôm Sông Hồng )</b>					
-	Đường quy hoạch 16,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 11,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 8,0 m	1,0				
43.54	<b>Khu quy hoạch dân cư hạ tầng 1A</b>					
-	Tuyến đường rộng 31m	1,07	1,0			
-	Tuyến đường rộng 18,5m	1,07	1,0			
-	Tuyến đường rộng 13m đến 15m	1,07	1,0			
-	Tuyến đường rộng 10m đến 11,5m	1,07	1,0			
-	Tuyến đường rộng 7,5m đến 9,5m	1,07	1,0			
44	<b>Các khu quy hoạch bổ sung chưa có mặt bằng</b>					
44.1	<b>Quy hoạch khu dân cư bản Có phường Chiềng Sinh</b>					
-	Đường quy hoạch 20,5 m	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch 16,5 m	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch 13,5 m	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch 3,0 m	1,0	1,0			
44.2	<b>Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu trung tâm Hành chính - Chính trị thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La</b>					
-	Đường quy hoạch rộng 45,0m	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch rộng 21,0m	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch rộng từ 16,5m	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch rộng từ 12,0m	1,0	1,0			

STT	Tuyến đường: Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
44.3	<b>Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu vực từ Công ty cổ phần thực phẩm Sơn La đến Khu dân cư bản Buôn phường Chiềng Cơi gắn với suối thoát lũ từ phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La</b>					
-	Đường quy hoạch rộng 13,5m	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch rộng 10,5m	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch rộng từ 7,5m	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch rộng từ 3,0 đến 3,5m	1,0	1,0			
44.4	<b>Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư bản Noong La, Phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La</b>					
-	Đường quy hoạch rộng 16,5m	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch rộng 11,5m	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch rộng 8,5m	1,0	1,0			
44.5	<b>Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư và dịch vụ bản Cang, phường Chiềng Sinh</b>					
-	Đường quy hoạch rộng 16,5m	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch rộng 13,5m	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch rộng 11,5m	1,0	1,0			
44.6	<b>Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư tổ 12, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La (Khu đất thu hồi của công ty cổ phần xây dựng II)</b>					
-	Đường quy hoạch rộng từ 13,0m	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch rộng 9,5m	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch rộng 3,0 đến 4,5m	1,0	1,0			
44.7	<b>Các tuyến đường trong khu dân cư tổ 5, phường Chiềng Sinh</b>					
-	Đường quy hoạch rộng lớn hơn bằng 12 m	1,0				
-	Đường quy hoạch lớn hơn bằng 5 m và nhỏ hơn 12 m	1,0				
-	Đường quy hoạch nhỏ hơn 5 m	1,0				
44.8	<b>Tuyến đường 1A khu quảng trường</b>	1,0				

STT	Tuyến đường: Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
44.9	Đường dọc kè suối Nậm La (bờ kè bên phải) hướng nhìn từ cầu 308 đến cầu B trường tiểu học Ngọc Linh	1,0				
44.10	Từ DNTN Thanh Hà đến hết đất Hợp tác xã Nậm La	1,0				
44.11	Điểm dân cư thuộc quy hoạch khu tái định cư số 01, bản Buồn, phường Chiềng Cơi					
-	Tuyến đường rộng 15 m	1,0				
-	Tuyến đường rộng 9 m	1,0				
-	Tuyến đường rộng 7 m	1,0				
44.12	Khu đô thị bản Buồn phường Chiềng Cơi (do Công ty cổ phần An Phú Sơn La chủ đầu tư thực hiện dự án)					
-	Tuyến đường 25 m	1,0				
-	Tuyến đường 15 m	1,0				
-	Tuyến đường 13 m	1,0				
-	Tuyến đường 10,5 m	1,0				
-	Tuyến đường 5,5 m	1,0				
44.13	Từ ngã tư đường Hoàng Quốc Việt đến hết đất bệnh viện Cuộc Sống					
-	Tuyến đường 25 m	1,0				
44.14	Từ ngã ba đường Đường Hoàng Quốc Việt – Bản Buồn – Trần Đăng Ninh đến khu đô thị bản Buồn, bản Mé (Kim Sơn) (Tuyến đường 16,5 m)	1,0				
44.15	Điểm dân cư thuộc quy hoạch khu tái định cư số 02 bản Mé, phường Chiềng Cơi					
-	Tuyến đường 16,5 m	1,0				
-	Tuyến đường 11,0 m	1,0				
-	Tuyến đường 10,5 m	1,0				
-	Tuyến đường 9,5 m	1,0				
44.16	Đường từ ngã tư đường Hoàng Quốc Việt đi trụ sở HĐND-UBND tỉnh đến đường Nguyễn Văn Linh	1,0				
44.17	Đường từ ngã tư bản Mé Ban qua cầu Coóng Nọi đến đường Nguyễn Văn Linh	1,0				

STT	Tuyến đường: Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
44.18	Đường từ ngã tư bản Mé Ban đến khu dân cư Mé Ban (khu đất thu hồi của Công ty Cổ phần Nhóm Sông Hồng) (Tuyến đường rộng 16,5m)	1,0				
44.19	Từ ngã tư Công ty TNHH Sông Lam đến Hạ tầng khu dân cư lô số 1A (Quy hoạch khu đô thị phía Tây Nam thành phố)	1,0				
44.20	Đường 31m bờ bên phải nhìn từ Cầu Coóng Nội đến Hạ tầng khu dân cư lô số 1A (Quy hoạch khu đô thị phía Tây Nam thành phố)	1,0				
44.21	Điểm khu dân cư mới tổ 1, phường Chiềng Cơi					
-	Đường quy hoạch 5,5 m	1,07	1,07			
44.22	Khu dân cư mới Coóng Nội, phường Chiềng Cơi					
-	Đường quy hoạch 5,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 2,5 m	1,0				
44.23	Các đường nhánh					
-	Từ hết đất trường mầm non Đại Thắng đến nhánh đường Chu Văn An	1,0				
-	Từ Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Sơn La đến hết đất trung tâm Quan trắc TNMT	1,0	1,0			
44.24	Đường Lê Hiền Mai (đọc kè suối giáp khu đô thị số 1), phường Chiềng An					
-	Đường quy hoạch 18 m	1,0				
44.25	Đường Song Hào (đọc kè suối Giáp bản Cọ và bản Hải), phường Chiềng An					
-	Đường quy hoạch 11,5 m	1,0				
44.26	Đường nhánh khu dân cư bản Phứa Cón, phường Chiềng An					
-	Đường cấp phối, đường đất rộng trên 2,5 m	1,0	1,0			
-	Đường cấp phối, đường đất rộng dưới 2,5 m	1,0	1,0			
44.27	Đường Phố Xuân Thủy					
-	Đoạn từ ngã ba giao giữa đường phố Xuân Thủy với ngõ số 28 đến hết tuyến đường phố Xuân Thủy	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
44.28	Đường dọc kè suối Nậm La (bờ bên phải) hướng nhìn từ cầu 308 đến cầu Nậm La					
-	Tuyến đường rộng 11,5 m	1,0				
-	Tuyến đường rộng 7,5 m	1,0				
44.29	Khu quy hoạch dân cư phía Đông và Tây Nam Trung tâm Bến xe khách Sơn La					

STT	Tên tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
	Đường quy hoạch 9,5 m	1,0				
45	<b>Các tuyến đường nội thị còn lại trên địa bàn thành phố</b>					
45.1	Các đường nhánh có mặt đường rộng từ 2,5 m trở lên nội thành phố (đường đổ bê tông hoặc đường nhựa dải nhựa)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
45.2	Các đường nhánh có mặt đường rộng dưới 2,5m trở xuống nội thành phố (Đường đổ bê tông hoặc dải nhựa)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
45.3	Các đường nhánh có mặt đường rộng từ 2,5 m trở lên nội thành phố (đường đất, đường lát gạch, đường vữa xi măng, đường chưa đủ điều kiện là đường bê tông xe công nông, xe con vào được)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
45.4	Các đường nhánh có mặt đường rộng dưới 2,5m trở xuống nội thành phố (đường đất, đường lát gạch, đường vữa xi măng, đường chưa đủ điều kiện là đường bê tông)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>B</b>	<b>ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN</b>					
<b>I</b>	<b>Đường Văn Tiến Dũng</b>					
-	Đoạn từ hết địa phận phường Chiềng Cơi đến công trụ sở UBND xã Hua La	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ tiếp công trụ sở UBND xã Hua La đến hết nhà văn hóa bản Mòng	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>II</b>	<b>Đường Ngô Gia Khảm</b>					
-	Từ hết đất số nhà 70 - trụ sở Doanh nghiệp Phương Thao (hết địa phận Phường Chiềng An) đến hết cầu bản Panh	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>III</b>	<b>Quốc lộ 279D</b>					
-	Từ hết cầu bản Panh đến chân dốc Cao Pha	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>IV</b>	<b>Đường Điện Biên</b>					
-	Từ ngã ba bản Hin (giao với Quốc lộ 6 cũ) đến hết địa phận thành phố	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>V</b>	<b>Xã Chiềng Ngần</b>					
<b>1</b>	<b>Đường Nguyễn Văn Cừ</b>					
-	Từ dốc đá Huổi Hin đến đường rẽ vào trường Tiểu học Chiềng Ngần A (bản Híp)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường rẽ vào trường tiểu học Chiềng Ngần A (bản Híp) đến ngã ba UBND xã Chiềng Ngần	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>2</b>	<b>Đường Lê Hồng Phong</b>					
-	Từ ngã ba UBND xã đến ngã tư bản Ca Láp	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>3</b>	Từ ngã tư Ca Láp đến hết sân tập trường lái	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường, Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
4	Từ ngã ba UBND xã đến ngã ba bản Phiêng Pát	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Ngã ba chợ Phiêng Pát phạm vi 200 m đi 3 hướng	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
6	Đoạn từ ngã ba giao đường Chu Văn An đến chân dốc tiếp giáp với bản Khoang	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
7	Các đường nhánh còn lại thuộc bản Dùm	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
8	Từ ngã tư bản Ca Láp đi hết công trường Trung cấp Văn hoá Nghệ thuật	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
9	Khu quy hoạch dân cư trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật	1,0				
10	<b>Đường Trần Phú</b>					
-	Từ ngã tư bản Ca Láp đi hết địa phận xã Chiềng Ngần đến (đỉnh dốc), theo hướng đi bản Thẳm	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
11	<b>Các tuyến đường thuộc xã Chiềng Ngần</b>					
-	Từ sân tập trường lái rẽ đi bản Kềm qua bản Ô, bản Muông đến hết bản Nà Lo	1,0	1,0			
-	Ngã ba chợ Phiêng Pát từ 201 m trở đi 3 hướng	1,0	1,0			
-	Đường từ bản Híp sang bản Nong La, đường lên nhà máy xử lý rác thải rắn	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ bản Híp sang hết địa phận bản Khoang	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
12	<b>Đường từ chân dốc bản Pát đi vào hết bản Púng</b>					
-	Đường bê tông rộng trên 2,5 m	1,0	1,0			
-	Đường bê tông rộng dưới 2,5 m	1,0	1,0			
13	<b>Các đường nhánh, đường ngõ từ bản Kềm, bản Ô, bản Muông, bản Nà Lo</b>					
-	Đường bê tông rộng trên 2,5 m	1,0	1,0			
-	Đường bê tông rộng dưới 2,5 m	1,0	1,0			
VI	<b>Trung tâm các xã</b>					
1	Chiềng Cọ, Chiềng Xôm, Chiềng Đen: Bán kính 500m tính từ trung tâm xã đi các hướng	1,0	1,0	1,0		
2	Đất khu vực trung tâm cụm dân cư (Trung tâm các bản), các ngã ba, ngã tư nơi giao thông đi lại thuận tiện (200 m đi các hướng)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ đường Quốc lộ 6 đến hết đất của trụ sở UBND xã Chiềng Cọ; Chiềng Đen, đường đến các bản (trừ mục 1 và mục 2 ghi trên)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Các tuyến đường nhánh từ 2,5 m trở lên (trừ điểm 3 ghi trên)	1,0	1,0	1,0		
5	Các đường nhánh còn lại trong các xã nhỏ hơn 2,5 m	1,0	1,0	1,0		




STT	Tuyến đường, Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
<b>VII</b>	<b>Các tổ, bản thuộc phường có điều kiện như nông thôn</b>					
1	Các đường nhánh thuộc tổ, bản: tổ 7, tổ 9, tổ 10, tổ 11, tổ 14, tổ 15, tổ 17, bản Cang, bản Ban, bản Thẩm Mạy, bản Phung, bản Hợ, phường Chiềng Sinh (trừ các tuyến đường đã quy định giá ở các mục trên)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Các đường nhánh thuộc phường Chiềng An (trừ các tổ, bản: tổ 1, tổ 2, tổ 4, bản Cọ, bản Hải, bản Cá) (trừ các tuyến đường đã quy định giá ở các mục trên)	1,0	1,0	1,0		
3	Các đường nhánh thuộc Phường Chiềng Cơi (Trừ tổ 2,3, bản Là, Bản Buồn, Bản Mé Ban) (trừ các tuyến đường đã quy định giá ở các mục trên)	1,0	1,0	1,0		
4	Các tuyến đường nhánh từ 2,5 m trở lên (trừ điểm 3 ghi trên)	1,0	1,0	1,0		
5	Các đường nhánh còn lại trong các xã nhỏ hơn 2,5 m	1,0	1,0	1,0		
<b>VII</b>	<b>Các tổ, bản thuộc phường có điều kiện như nông thôn</b>					
1	Các đường nhánh thuộc tổ, bản: tổ 7, tổ 9, tổ 10, tổ 11, tổ 14, tổ 15, tổ 17, bản Cang, bản Ban, bản Thẩm Mạy, bản Phung, bản Hợ, phường Chiềng Sinh (trừ các tuyến đường đã quy định giá ở các mục trên)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Các đường nhánh thuộc phường Chiềng An (trừ các tổ, bản: tổ 1, tổ 2, tổ 4, bản Cọ, bản Hải, bản Cá) (trừ các tuyến đường đã quy định giá ở các mục trên)	1,0	1,0	1,0		
3	Các đường nhánh thuộc Phường Chiềng Cơi (Trừ tổ 2,3, bản Là, Bản Buồn, Bản Mé Ban) (trừ các tuyến đường đã quy định giá ở các mục trên)	1,0	1,0	1,0		
<b>VIII</b>	<b>Điểm dân cư thuộc quy hoạch khu tái định cư số 01 bản Sàng, xã Hua La</b>					
-	Tuyến đường 17,5 m	1,0	1,0			
<b>IX</b>	<b>Khu dân cư bản Hôm, xã Chiềng Cọ</b>					
-	Đường quy hoạch 7,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 5,5 m	1,0				



**PHỤ LỤC 02: HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ VÀ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN HUYỆN QUỲNH NHAI**

(Bên theo Quyết định số: 43 /2022/QĐ-UBND ngày 30 /12/2022 của UBND tỉnh)

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
<b>A</b>	<b>ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ</b>					
<b>I</b>	<b>Đường trục chính Đường quốc lộ 6B (Tỉnh lộ 107 cũ)</b>					
1	Từ công chào (Gần cây xăng Sơn Lâm) đến cầu số 1 (Tiếp giáp với QL279) + 150m đi bên phả Pá Uôn	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>II</b>	<b>Các đường nhánh trong phạm vi quy hoạch thị trấn mới huyện Quỳnh Nhai (trừ các vị trí được xác định theo giá đất đường trục chính Quốc lộ 6B đến hết vị trí 5)</b>					
1	Đường số 8: Từ ngã ba sau nhà ông Lò Văn Mến đến hết công viên thể dục thể thao nối với đường số 19	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Đoạn đường từ Cây xăng Sơn Lâm đến cầu số 2 nối với đường Quốc lộ 279 (gồm đường số 20, số 15, số 6, số 5), trừ đoạn đầu nối đường số 11 (chỗ vòng xuyên) đến tiếp giáp đường số 1 thuộc tuyến đường số 05	1,3	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Tuyến đường số 05, từ đoạn đầu nối với tuyến đường số 11 (chỗ vòng xuyên) đến tiếp giáp đường số 01	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Tuyến đường số 11 theo quy hoạch (từ ngã tư rẽ vào chợ trung tâm đến tuyến đường số 5)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Tuyến đường 11 theo quy hoạch (đoạn đường từ đường số 5 đến đường số 22)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
6	Các tuyến đường được đánh số theo quy hoạch từ T1 đến T29 (trừ T9, T10) khu quy hoạch tái định cư Phiêng Lanh và tuyến đường số 22 khu quy hoạch Phiêng Nèn	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0

 Tuyên đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
7	Các tuyến đường còn lại trong phạm vi quy hoạch tái định cư Phiêng Lanh + Phiêng Nền huyện Quỳnh Nhai	1,1	1,1	1,1	1,1	1,1
<b>B</b>	<b>ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN</b>					
<b>B1</b>	<b>Đất ở tại khu dân cư ven đô, khu công nghiệp, đầu mối giao thông, trục đường giao thông chính, khu thương mại, khu du lịch</b>					
<b>I</b>	<b>Đường trục chính Đường Quốc lộ 6B (tỉnh lộ 107 cũ)</b>					
1	Quốc lộ 6B: Đoạn từ địa phận huyện Quỳnh Nhai (giáp huyện Thuận Châu) đến nhà Ông Cà Văn Hao bản Ca, xã Chiềng Khoang	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Đường Quốc lộ 6B: Đoạn từ Nhà ông Cà Văn Hao đến ngã 3 vào bản He (Trạm khuyến nông xã Chiềng Khoang) +500m đi về phía Quỳnh Nhai	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Quốc lộ 6B: Đoạn từ ngã ba vào bản He (Trạm khuyến nông xã Chiềng Khoang) -500m đến nhà bia tưởng niệm liệt sỹ xã Chiềng Bằng	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Quốc lộ 6B: Đoạn từ nhà bia tưởng niệm liệt sỹ xã Chiềng Bằng đến Công chào huyện Quỳnh Nhai (gần cây xăng Sơn Lâm)	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>II</b>	<b>Trục đường 279</b>					
1	Từ trạm biến áp (Quán Nguyệt Nga cũ xã Mường Giàng) đến hết cây xăng Hải Vinh xã Mường Giôn	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ đầu cầu bản Bo (gần nhà ông Tòng Văn Tiến) đến hết địa phận ranh giới huyện Quỳnh Nhai và huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ trạm biến áp (Quán Nguyệt Nga cũ) đến hết nhà ông Cầm Văn Nam bản Pom Mường xã Mường Giàng (trừ 150m đường đi bến phà Pá Uôn)	1,5	1,1	1,1	1,1	1,1

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
4	Từ hết đất nhà ông Cẩm Văn Nam bản Pom Muồng, xã Muồng Giàng đến hết địa phận huyện Quỳnh Nhai (Ranh giới huyện Quỳnh Nhai với Tuần Giáo)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>III</b>	<b>Trục đường Tỉnh lộ 107</b>					
1	Từ ngã ba bản Bon (xã Muồng Chiên) đến Ngã ba bản Huổi Kẹm (xã Chiềng Khay)	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Từ nhà ông Bùi Minh Trung bản Bo xã Muồng Giôn đến hết đất trạm khuyến nông xã Chiềng Khay	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ ngã ba Huổi Kẹm, bản Phiêng Bay đến hết địa phận huyện Quỳnh Nhai (giáp ranh huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>IV</b>	<b>Trục đường Tỉnh lộ 116</b>					
1	Đoạn đầu nối Quốc lộ 6B (Địa phận xã Chiềng Khoang) đến bến phà Nậm Ét	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Đoạn từ ngã ba Bến phà Nậm Ét đến ngã ba bản Muông xã Nậm Ét	1,0	1,0	1,0	1,0	
3	Từ ngã ba bản Muông xã Nậm Ét đi đến hết địa phận xã Nậm Ét (giáp ranh giới xã Liệp Tè, huyện Thuận Châu) trừ đất thuộc tuyến đường trong trung tâm xã	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>V</b>	<b>Trục đường chính cấp huyện</b>					
1	ĐH.02: Đường vào xã Pá ma Pha Khinh - Muồng Chiên - Cà Nàng (trừ đoạn trung tâm xã Muồng Chiên, trung tâm xã Cà Nàng)	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Đường vào xã Chiềng Bằng (ĐH.08: Từ ngã ba Huổi Cuối + 500m)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Đường vào xã Chiềng Bằng (ĐH.08: Từ ngã ba Huổi Cuối + 500m) đến Cảng thủy sản	1,0	1,0	1,0	1,0	

Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
4	Đường liên huyện Thuận Châu - Quỳnh Nhai (ĐH.05: Từ ngã ba bản Phiêng Ban tiếp giáp đường 279 đến địa phận xã Phòng Lái huyện Thuận Châu)	1,0	1,0	1,0	1,0	
5	Đường vào xã Mường Giàng (ĐH.04: Từ quốc lộ 279 đến bản Kiểu Hát, xã Mường Giàng)	1,0	1,0	1,0	1,0	
6	Đường liên huyện Quỳnh Nhai - Mường La (ĐH.01: Từ bản Cút xã Mường Giôn đến hết địa phận huyện Quỳnh Nhai)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
7	Đường vào xã Chiềng Ôn (ĐH.03: Từ Quốc lộ 279 đến bản Bình Yên)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
8	Đường vào xã Mường Sại (ĐH.06: Từ tỉnh lộ 116 đến nhà ông Ngần Văn Liếm bản Còi )	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
9	Đường vào xã Nậm É (ĐH.07: từ tỉnh lộ 116 đến hết địa phận huyện Quỳnh Nhai, giáp xã Liệp Tè huyện Thuận Châu)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>B2</b>	<b>ĐẤT CỤM XÃ, TRUNG TÂM XÃ</b>					
<b>I</b>	<b>Các tuyến đường trung tâm xã Mường Giôn</b>					
-	Từ cây xăng Hải Vinh đến đầu cầu bản Bo (gần nhà ông Tòng Văn Tiến)	1,2	1,2	1,2	1,2	1,2
<b>II</b>	<b>Các tuyến đường trung tâm xã Chiềng Khay</b>					
1	Tỉnh lộ 107 (từ Trạm khuyến nông đến ngã ba Huổi Kẹm)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Đoạn tiếp giáp tỉnh lộ 107 (km12+900) đến chân dốc Đông Hiêm	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Đoạn tiếp giáp tỉnh lộ 107(km12 + 500) đến ngã ba trường trung học cơ sở dân tộc bán trú xã Chiềng Khay	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>III</b>	<b>Các tuyến đường trung tâm xã Nậm É</b>					

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
1	ĐH:07 Đoạn từ ngã ba bản Muông đến nhà ông Lương Văn Háy bản Nong +300m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ chợ trung tâm xã Nậm Ét đến ngã ba nối trục đường ĐH:07	1,0	1,0	1,0	1,0	
<b>IV</b>	<b>Các tuyến đường trung tâm xã Mường Sại</b>					
-	Đoạn đầu nối từ đường ĐH.06 (ngã ba trạm phát sóng VIETTEL) đến nhà ông Là Văn Cường bản Búa Bon	1,1	1,0	1,0	1,0	
<b>V</b>	<b>Các tuyến đường trung tâm xã Pá Ma Pha Khinh</b>					
-	Đường vào trụ sở UBND xã (từ Đh.02 đến hết khu vực trường cấp I + II)	1,0	1,0	1,0	1,0	
<b>VI</b>	<b>Các tuyến đường trung tâm xã Mường Chiên</b>					
-	Đường Đh.02: Đoạn từ bãi đá Bản Bon đến công nhà ông Đạt bản Hua Sát	1,0	1,0	1,0	1,0	
<b>VII</b>	<b>Các tuyến đường trung tâm xã Cà Nàng</b>					
-	Đường ĐH.02: Đoạn từ trạm Y tế xã đến cầu tràn xã Cà Nàng (Đường đi điếm TĐC Huổi Pha)	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>B3</b>	<b>Đất ở thuộc địa bàn các xã của huyện Quỳnh Nhai</b>	1,0	1,0	1,0	1,0	



**PHỤ LỤC SỐ 03: HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ  
VÀ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN HUYỆN THUẬN CHÂU**

*(Kèm theo Quyết định số: 43 /2022/QĐ-UBND ngày 30 /12/2022 của UBND tỉnh)*

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
<b>A</b>	<b>ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ</b>					
<b>I</b>	<b>Thị trấn Thuận Châu</b>					
<b>1</b>	<b>Đoạn từ cầu trên đường Tây Bắc giáp chợ hướng đi Sơn La (Cả 2 bên đường)</b>					
<b>a</b>	<b>Đường Tây Bắc (Hướng đi Sơn La)</b>					
-	Từ KM 335 + 750m (từ cầu suối cạn đường vào phòng Giáo dục) đến đường vào Bệnh viện huyện	1,0	1,0	1,0		
-	Từ đường vào Bệnh viện huyện đến hết đất nhà ông Chăm Văn Tinh	1,0	1,0	1,0		
-	Từ hết đất nhà ông Chăm Văn Tinh (Tiểu khu 10 thị trấn) đến Km 334+310m (đến hết đường đôi)	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ Km 334 + 310 m (Từ hết đường đôi) đến KM 333 + 640 m	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ Km 333 + 640 m đến hết đất nhà ông Quảng Văn Dân	1,0	1,0	1,0	1,0	
<b>b</b>	<b>Phố Pha Luông</b>					
-	Đường số 1 khu vực quy hoạch dịch vụ bờ hồ Chợ trung tâm	1,0				
-	Ngõ số 1 từ đường Tây Bắc vào cổng Chợ trung tâm (Trừ lô đất giáp đường vào chợ)	1,0				
-	Ngõ số 2 từ đường Tây Bắc vào cổng chợ trung tâm (Trừ lô đất giáp đường vào chợ)	1,0				
-	Từ đường số 1 sang đường số 6 tuyến đường số 4 (Trừ lô đất giáp đường số 1)	1,0				
-	Từ đường Tây Bắc đi cổng sau chợ tuyến đường số 6 (Trừ lô đất giáp đường Tây Bắc)	1,0				
<b>c</b>	<b>Đường Tây Bắc (Hướng đi Điện Biên)</b>					



Luyện đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 (lần)				
	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
- Từ hết Km 335+750 m (từ cầu suối cạn đường vào phòng Giáo dục Tiểu khu 6 thị trấn) đến Km 336+100m (đến đầu lên phố Nguyễn Lương Bằng)	1,0	1,0	1,0	1,0	
<b>2 Đường 21-11 (Hướng đi Điện Biên)</b>					
- Từ hết Km 336+100m (từ đầu lên Phố Nguyễn Lương Bằng) đến KM 336+280m (đến khu đất hạt 108)	1,0	1,0	1,0	1,0	
- Từ hết KM 336 + 280m (Từ khu hạt 108) đến KM 336 + 530 m (Đến qua ngã ba đường đi Co Mạ hướng Điện Biên 20 m)	1,0	1,0	1,0	1,0	
- Từ hết Km 336 + 530 m (Từ cách ngã ba đường 21-11 đường đi Co Mạ hướng đi Điện Biên 20 m) đến Km 337 + 420 m (Đến hết đất hồ Noong Hoi bản Bó xã Chiềng Ly)	1,0	1,0	1,0	1,0	
- Từ hết Km 337 + 420 m (Từ khu vực hồ Noong Hoi bản Bó xã Chiềng Ly) đến Km 338 + 260 m (Đến khu vực nghĩa trang bản Coóng)	1,0	1,0	1,0	1,0	
- Từ Km 338 + 260 m (Đến hết đất khu vực nghĩa trang bản Coóng) đến Km 339 + 260 m (Đến cuối đường đôi)	1,0	1,0			
<b>3 Đường Trung Dũng (Cả hai bên)</b>					
- Từ đường Tây Bắc đến ngã ba đi phố 23-8 (trừ lô đất giáp đường Tây Bắc)	1,0	1,0	1,0	1,0	
- Từ ngã ba đi phố 23-8 đến ngã tư đường lên trường Tiểu học thị trấn	1,0	1,0	1,0	1,0	
- Từ ngã tư đường lên trường Tiểu học thị trấn đến công phụ trường ĐH Tây Bắc (cũ)	1,0	1,0	1,0	1,0	
- Từ công phụ trường ĐH Tây Bắc (cũ) đến khu hiệu bộ trường ĐH Tây Bắc (đầu ngõ 124 đường Trung Dũng)	1,0	1,0	1,0	1,0	
- Từ công trường ĐH Tây Bắc (cũ) đến ngã tư đầu phố Chu Văn An (đường Quy hoạch)	1,0	1,0	1,0	1,0	
<b>4 Các đường nhánh còn lại nối với Đường Tây Bắc</b>					



STT	Tuyến đường: Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
	Đường vào Đồi đô thị đến Trạm biến thế (Trừ lô đất giáp đường Tây Bắc)	1,0	1,0	1,0	1,0	
<b>5</b>	<b>Đường Tỉnh lộ 108</b>					
-	Từ ngã ba bản Pán đường 21-11 đường lên Co Mạ đến cầu Suối Muội (trừ lô đất giáp đường 21-11)	1,0	1,0	1,0	1,0	
<b>6</b>	<b>Phố Nguyễn Lương Bằng (Cả hai bên)</b>					
-	Từ ngã ba Quốc lộ 6 đến công trường Đại học Tây Bắc (trừ lô đất giáp Quốc lộ 6)	1,0	1,0	1,0	1,0	
<b>7</b>	<b>Phố Khau Tú (Cả hai bên)</b>					
-	Từ ngã ba đường Trung Dũng lên trường Tiểu học thị trấn đến hết đất nhà ông Bế Hùng	1,0	1,0	1,0	1,0	
<b>8</b>	<b>Phố Lò Văn Hặc (Cả hai bên)</b>					
-	Từ ngã ba đường Tây Bắc đến công UBND huyện (Trừ lô đất giáp đường Tây Bắc)	1,0	1,0			
-	Ngõ số 1: Từ hết đất nhà ông Bắc Duyên đến hết đất nhà ông May (Trừ lô đất giáp đường lên Ủy ban nhân dân huyện)	1,0	1,0			
-	Ngõ số 2: Từ hết đất nhà ông Lục đến hết đất nhà ông Lê (Trừ lô đất giáp đường lên UBND huyện)	1,0	1,0			
-	Ngõ số 3: Từ hết đất nhà ông Trung Lê đến hết đất nhà ông Áo (Trừ lô đất giáp đường lên UBND huyện)	1,0	1,0			
-	Ngõ số 4: Từ hết đất nhà ông Yên Duyên đến hết đất tập thể Ngân hàng cũ (Trừ lô đất giáp đường lên UBND huyện)	1,0	1,0			
-	Ngõ số 5: Từ hết đất nhà ông Hưng Lan đến giáp đất nhà Khách UBND huyện (Trừ lô đất giáp đường lên UBND huyện)	1,0	1,0			
<b>9</b>	<b>Phố Chu Huy Mân (Cả hai bên đường)</b>					
-	Từ ngã ba đường Tây Bắc đến hết đất nhà khách UBND huyện (trừ lô đất giáp đường Tây Bắc)	1,0	1,0	1,0		
<b>10</b>	<b>Phố 23-8</b>					

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
	Đường nối từ Phố Chu Huy Mân sang đường Trung Dũng (trừ lô đất thuộc phố Lò Văn Hặc và phố Chu Huy Mân)	1,0	1,0	1,0		
<b>11</b>	<b>Phố Lê Hữu Trác (Cả hai bên)</b>					
-	Từ ngã ba đường Tây Bắc đến cầu Suối Muội (trừ lô đất giáp đường Tây Bắc)	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ cầu Suối Muội đến cổng Bệnh viện đa khoa Thuận Châu	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Các tuyến đường thuộc khu dân cư Tiểu khu 9	1,0	1,0	1,0		
<b>12</b>	<b>Phố Chu Văn An</b>					
-	Từ ngã tư (đường lên ngõ số 1) đến ngã ba ngõ số 38 phố Chu Văn An (giáp trường Tiểu học Chiềng Ly)	1,0	1,0	1,0		
-	Từ ngã ba ngõ số 38 phố Chu Văn An (giáp trường Tiểu học Chiềng Ly) đến đường 21-11 (trừ lô đất giáp đường 21-11)	1,0	1,0	1,0		
-	Từ ngã tư (đường lên ngõ số 1) đi hướng đi phố 7-5 đến đường 21-11	1,0	1,0	1,0		
-	Từ ngã tư đầu phố Chu Văn An lên ngõ số 1 đến hết đất nhà ông Toàn	1,0	1,0	1,0		
<b>13</b>	<b>Phố 7-5</b>					
-	Từ ngã ba giáp phố Nguyễn Lương Bằng đến ngã ba giao với Phố Chu Văn An (nhà ông Giang Văn Đáp)	1,0	1,0	1,0	1,0	
<b>14</b>	<b>Các đường nhánh còn lại nối với đường Tây Bắc và đường 21-11</b>					
-	Từ hết ngã ba đường Tây Bắc+150m vào bán Đông cạnh đất UBND thị trấn (trừ lô đất giáp đường Tây Bắc)	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Đường từ đường Tây Bắc ngõ số 188 (cạnh đất ngân hàng chính sách) đến ngã ba nhà ông Đoàn Hường (trừ lô đất giáp đường Tây Bắc)	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ ngã ba nhà ông Đoàn Hường đến ngã ba phố Nguyễn Lương Bằng (đầu ngõ số 42 cổng Sân vận động)	1,0	1,0	1,0	1,0	

STT	Tuyến đường, Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Từ ngã ba phố Nguyễn Lương Bằng (ngõ số 34) đến hết số nhà 31 (đất nhà Huyện Sơn)	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ đầu ngõ số 128 đường 21-11 (đường lên trường THPT Thuận Châu) đến cổng Trường nội trú	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Các tuyến đường còn lại trong nội thị trấn, xe con, xe công nông đi vào được, trừ các lô đất giáp trục đường chính chưa được quy định ở các điểm ở trên	1,0	1,0	1,0	1,0	
<b>15</b>	<b>Khu dân cư</b>					
-	Khu dân cư còn lại trong nội Thị trấn chưa quy định ở trên	1,0	1,0	1,0	1,0	
<b>II</b>	<b>Thị tứ Tông Lạnh, huyện Thuận Châu</b>					
<b>1</b>	<b>Từ ngã ba Quốc Lộ 6 hướng đi Sơn La (hai bên đường)</b>					
-	Từ ngã ba Km 328+150m (đường đi Quỳnh Nhai) đến Km 327+400m (đến khu đất chợ)	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ hết KM 327+400m (hết khu đất chợ) đến Km 327+300m (đến hết đất nhà ông Nhã Loan Tiểu khu 1 Tông Lạnh)	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ hết Km 327+300m (từ giáp đất nhà ông Nhã Loan Tiểu khu 1 Tông Lạnh) đến Km 327+220m (Đến hết cây xăng dầu Lương Thực Tiểu khu 1)	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ hết Km 327+220m (từ giáp đất cây xăng dầu Lương Thực TK 1 đến Km 326+775m (Giáp cầu Vòm Chiềng Pắc)	1,0	1,0	1,0	1,0	
<b>2</b>	<b>Từ Trung tâm đường Quốc Lộ 6 hướng đi Quỳnh Nhai (hai bên đường Quốc lộ 6B)</b>					
-	Từ trung tâm đường Quốc Lộ 6 hướng đi Quỳnh Nhai (Cả hai bên đường Quốc Lộ 6B) Từ Km 00 + 250 m (Khu đất nhà Dung Bàn) trừ các lô đất giáp trục đường Quốc Lộ 6	1,1	1,0	1,0	1,0	



	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Từ hết Km 00+ 250m (từ giáp đất nhà ông Dung Bản cũ) đến ngã ba bản Bai (giao với đường Quốc Lộ 6B) (Tiểu khu 4 Tông Lạnh)	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ ngã ba bản Bai đến cầu bản Hinh (đường QL 6B) xã Tông Cọ	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ ngã ba bản Bai (giao với đường QL 6B) đến cầu bản Hinh (mới) xã Tông Cọ	1,0	1,0	1,0	1,0	
<b>3</b>	<b>Trung tâm ngã ba đường Quốc lộ 6 hướng đi Thuận Châu</b>					
-	Từ ngã ba Quốc lộ 6 Km 328+200m (Đường đi Quỳnh Nhai) đến Km 328+400 m (Đến hết đất của hàng xăng dầu Tiểu khu 3 Tông Lạnh)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết Km 328 + 360m (Từ giáp đất của hàng xăng dầu Tiểu khu 3 Tông Lạnh) đến Km 328 + 600m (Đến hết đất nhà ông Quảng Sơ bản Cuông Mường xã Tông lạnh)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ Km 328 + 600m (hết đất nhà ông Quảng Sơ bản Cuông Mường xã Tông Lạnh) đến khu đất ao quốc phòng	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ đất ao Quốc phòng đến hết đất quán ăn Hương Rừng	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ giáp quán ăn hương rừng đến cầu trắng (cầu Suối Muội)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>4</b>	<b>Khu dân cư</b>					
-	Khu đất xung quanh Trường phổ thông trung học Tông Lạnh	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu đất đường vào Trường Phổ thông trung học (Trừ lô đất giáp Quốc lộ 6)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>5</b>	<b>Các tuyến đường còn lại quanh khu vực Thị tứ Tông Lạnh chưa quy định tại các điểm trên</b>	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>B</b>	<b>ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN</b>					
<b>I</b>	<b>Cụm dân cư Nam Tiến, xã Bon Phặng - Phiêng Bông, Muối Nội (Đường Quốc lộ 6)</b>					

STT	Tuyên đường: Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
1	Từ đường vào Sân bóng bán Nam Tiến đến cách ngã ba đi Bản Lằm 200m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ ngã ba đi Bản Lằm về Thuận Châu 200m, về phía Sơn La 200m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ cách ngã 3 đi Bản Lằm 200m đến ranh giới thành phố Sơn La	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>II</b>	<b>Cụm dân cư xã Chiềng Pắc (đường Quốc lộ 6)</b>					
1	Từ cổng Nhà máy Xi măng đi hướng Thuận Châu 100m, đi hướng Sơn La 100m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ cách cổng nhà máy Xi măng 100m hướng đi Thuận Châu đến hết đất Trung tâm dịch vụ nông nghiệp (đường vào bản Xi Măng)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ hết đất Trung tâm dịch vụ nông nghiệp (đường vào bản Xi Măng) đến Cầu Vòm	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>III</b>	<b>Cụm xã Chiềng Pha (Đường Quốc lộ 6)</b>					
1	Từ trụ sở UBND xã hướng đi Sơn La 300m và hướng đi tỉnh Điện Biên 300m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ cửa hàng Thương nghiệp hướng đi Sơn La (đến vị trí tiếp giáp Mục 1, cụm xã Chiềng Pha), hướng đi tỉnh Điện Biên 300m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ đường mới: Chiềng Pha (giáp quốc lộ 6) đi Chiềng La 200 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>IV</b>	<b>Cụm dân cư xã Nong Lay và xã Tông Cọ</b>					
1	Trung tâm ngã ba Chiềng Ngâm đi 3 hướng					
-	Đi hướng Quốc lộ 6 400 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đi hướng Quỳnh Nhai 300 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đi hướng Chiềng Ngâm 200 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Đoạn đường từ cầu bản Hình đến hết đất Cơ sở vệ tinh Thuận Châu	1,0	1,0			
3	Từ hết đất Cơ sở vệ tinh Thuận Châu đến đường đi vào Nhà máy chế biến mủ cao su Châu Thuận	1,0	1,0			



Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
4	Từ đường đi vào Nhà máy chế biến mù cao su Châu Thuận đến hết thửa đất nhà ông Pó + 100m	1,0	1,0			
5	Từ hết đất trang trại nhà ông Pó đến cách trung tâm ngã ba đi Chiềng Ngàm 400m	1,0	1,0			
6	Từ chân dốc Bó Mạ đến giáp ranh huyện Quỳnh Nhai cả hai bên (Trừ 300m cụm xã Noong Lay)	1,0	1,0			
<b>V</b>	<b>Cụm dân cư xã Chiềng La</b>					
1	Từ nhà ông Bạ đến hết đất ông Hà	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ trung tâm ngã ba đi bản Long Cạo đến hết đất nhà ông Cà Văn Hạp	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>VI</b>	<b>Trung tâm xã Phông Lái: Lấy ngã ba đường Quốc lộ 6 đường đi bản Mô Cống làm trung tâm (Cả hai bên đường)</b>					
1	Từ giữa ngã ba Quốc lộ 6 đường đi Mô công, hướng đi Sơn La đến hết đất cây xăng của DN Thanh Nga cả hai bên đường	1,0	1,0			
2	Từ hết đất cây xăng DN Thanh Nga hướng đi Thị trấn Thuận Châu đến hết đất nhà ông Phước cả hai bên	1,0	1,0			
3	Đường Quốc lộ 6 cũ (từ lô đất nhà bà Vân Anh đi phía Thị trấn Thuận Châu đến Ngã ba Quốc lộ 6 cũ) giáp khu đất Mục 2- Phần VI)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Từ giữa Ngã ba đường đi bản Mô Cống hướng đi Điện Biên đến hết thửa đất nhà Phượng Lành	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Từ giữa ngã ba Quốc lộ 6 đường đi bản Mô Cống đến đường vào bản Kiến Xương	1,0	1,0			
6	Từ ngã ba vào bản Kiến Xương đến hết Trường trung học cơ sở	1,0	1,0			
7	Từ giáp đất nhà Phượng Lành đến qua đường vào bản Khau Lay 100m (chân đèo Pha Đin)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>VII</b>	<b>Trung tâm xã Phông Lãng</b>					
1	Từ giáp đường đôi về hướng Điện Biên qua UBND xã 300m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
<b>VIII</b>	<b>Khu vực các điểm giáp ranh</b>					
1	Đất trục đường Quốc lộ 6 từ giáp ranh giới Thành phố Sơn La đến giáp ranh giới tỉnh Điện Biên chưa quy định tại các điểm trên	1,0	1,0			
2	Đất các khu dân cư ven trục đường giao thông chưa nêu ở trên	1,0	1,0	1,0		
<b>IX</b>	<b>Đất cụm xã, trung tâm xã Mường Bám</b>					
1	Dọc đường tỉnh lộ 108 từ bản Nà La đến bản Nà Cầu (giáp xã Xuân Lao Mường Ảng)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ Ngã ba đường đi Nà Làng đến bản Phèn A-B	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ Ngã ba đường đi Bôm Kham đến bản Pá Chóng	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Từ Ngã ba bản Lào đi vào bản Pá Sàng	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Từ cầu treo bản Lào đi đến cầu cứng bản Nà La	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>X</b>	<b>Đất cụm xã, trung tâm xã Co Mạ</b>					
1	Từ Cây xăng của công ty TNHH Hùng Mậu đến trụ sở UBND xã Co Mạ nằm trên tuyến đường 108	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ Ngã ba đi Long Hẹ 200m vào đến bản Pha Khuông	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ Bản Nong Vai đến chợ trung tâm 3 xã	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Từ bản Co Mạ đến bản Po Mậu	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>XI</b>	<b>Đất cụm xã, trung tâm xã chưa được quy định ở các mục trên</b>	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>XII</b>	<b>Các tuyến đường còn lại trừ các tuyến đường đã xác định ở trên có mặt đường rộng từ 4m trở lên</b>	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>XIII</b>	<b>Các tuyến đường còn lại trừ các tuyến đường đã xác định ở trên có mặt đường rộng 2m đến dưới 4 m</b>	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
XIV	Các tuyến đường còn lại trừ các tuyến đường đã xác định ở trên có mặt đường rộng từ 2m trở xuống	1,0				